

Phân tích hoạt động bảo hộ sáng chế tại các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam: Xu hướng và thách thức

Analysis of patent protection activities in Vietnamese higher education institutions: Trends and challenges

Nguyễn Phúc Quân

Phòng Quản lý Khoa học, Trường Đại học Đông Á

Email: quannp@donga.edu.vn

Tóm tắt: Sáng chế giữ vai trò quan trọng trong hệ thống sở hữu trí tuệ, bảo vệ các phát minh và thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Nghiên cứu này phân tích hoạt động bảo hộ sáng chế tại các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam giai đoạn 1980–2024, tập trung vào số đơn đăng ký, tỷ lệ cấp bằng, thời gian xử lý và đặc điểm quy trình. Trong 44 năm, có 1.894 đơn được nộp, với 594 bằng sáng chế được cấp, đạt tỷ lệ thành công khoảng 30%. Thời gian xử lý trung bình là 1.145 ± 561 ngày (khoảng 3,1 năm), trung vị 1.013 ngày (2,8 năm). Giai đoạn 2021–2024 ghi nhận sự cải thiện, với thời gian xử lý giảm còn 1.055 ± 427 ngày. Tuy vậy, so với các cơ sở giáo dục quốc tế, Việt Nam vẫn có tỷ lệ cấp bằng thấp hơn và thời gian xử lý dài hơn. Kết quả cho thấy mặc dù quy trình đã có tiến bộ, hoạt động bảo hộ sáng chế tại đại học Việt Nam vẫn còn hạn chế, phản ánh sự phân hóa về năng lực nghiên cứu. Để nâng cao hiệu quả, cần cải cách thủ tục cấp bằng, rút ngắn thời gian xử lý và triển khai chính sách hỗ trợ tài chính, qua đó thúc đẩy nghiên cứu sáng tạo và đóng góp vào sự phát triển bền vững của hệ thống giáo dục đại học.

Từ khóa: Bảo hộ; Đại học; Sáng chế; Tài sản trí tuệ

Abstract: Patents play an important role in the intellectual property system by protecting inventions and promoting innovation. This study analyzes patent protection activities at higher education institutions in Vietnam from 1980 to 2024, focusing on application numbers, grant rates, processing times, and procedural characteristics. Over the 44-year period, 1,894 applications were submitted, with 594 patents granted, resulting in a success rate of approximately 30%. The average processing time was $1,145 \pm 561$ days (about 3.1 years), with a median of 1,013 days (2.8 years). The 2021–2024 period showed improvement, with average processing time reduced to $1,055 \pm 427$ days. However, compared to international institutions, Vietnam still has a lower grant rate and longer processing time. The findings indicate that, despite procedural progress, patent protection activities in Vietnamese universities remain limited, reflecting disparities in research capacity. To enhance effectiveness, it is necessary to reform the patent granting process, shorten processing times, and implement financial support policies to promote innovation. These measures will help strengthen research capabilities and contribute to the sustainable development of the higher education system.

Keywords: Higher education; Intellectual Property; Patents; Protection;

1. Đặt vấn đề

Quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) đóng một vai trò then chốt trong môi trường giáo dục đại học, nơi mà nghiên cứu và sáng tạo được thúc đẩy mạnh mẽ. Trong bối cảnh này, SHTT bao gồm các quyền pháp lý như bằng sáng chế, bản quyền, nhãn hiệu và kiểu dáng công nghiệp, nhằm bảo vệ các kết quả nghiên cứu và sáng tạo của giảng viên, sinh viên và các nhà nghiên cứu[1]. Việc xác lập và bảo vệ SHTT không chỉ giúp bảo đảm quyền lợi và công nhận sự đóng góp của các cá nhân mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc thương mại hóa các phát minh và ứng dụng công nghệ. Điều này thúc đẩy sự hợp tác giữa các trường đại học và doanh nghiệp, mở ra nhiều cơ hội phát triển kinh tế và xã hội[2]. Hơn nữa, việc quản lý hiệu quả SHTT trong các cơ sở giáo dục đại học còn góp phần xây dựng một môi trường học thuật năng động và sáng tạo, nơi các ý tưởng mới được khuyến khích và phát triển. Chính vì vậy, SHTT không chỉ là một công cụ pháp lý mà còn là một yếu tố quan trọng để thúc đẩy tiến bộ khoa học và công nghệ trong giáo dục đại học.

Hoạt động sở hữu trí tuệ (SHTT) đóng vai trò quan trọng đối với giáo dục đại học qua việc khuyến khích sáng tạo và đổi mới, thúc đẩy chuyển giao công nghệ, nâng cao chất lượng giáo dục và góp phần hội nhập quốc tế[1]. SHTT cung cấp khung pháp lý để bảo vệ các ý tưởng sáng tạo của sinh viên và giảng viên, khuyến khích họ tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và tổ chức các cuộc thi sáng chế, khởi nghiệp[2]. Điều này không chỉ thúc đẩy sự phát triển của khoa học kỹ thuật và nền kinh tế mà còn giúp các trường đại học bảo hộ và khai thác hiệu quả các kết quả nghiên cứu khoa học, tạo điều kiện cho việc chuyển giao công nghệ ra thị trường và hợp

tác với các doanh nghiệp để thương mại hóa các sản phẩm công nghệ có tiềm năng[3]. Ngoài ra, việc giảng dạy về SHTT giúp sinh viên hiểu biết về các quy định pháp luật liên quan đến SHTT, từ đó sử dụng thông tin và tài nguyên một cách hợp pháp và có trách nhiệm, đồng thời phát triển tư duy phản biện, khả năng giải quyết vấn đề và kỹ năng làm việc nhóm[2, 4]. Hoạt động SHTT hiệu quả còn góp phần nâng cao uy tín và thương hiệu của các trường đại học, giúp nhà trường cạnh tranh bình đẳng với các trường đại học trên thế giới trong việc thu hút sinh viên quốc tế, hợp tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, đồng thời đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế.

Nghiên cứu này nhằm phân tích toàn diện thực trạng hoạt động bảo hộ sáng chế tại các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 1980–2024, tập trung vào các thách thức nổi bật như tỷ lệ cấp bằng còn thấp, thời gian xử lý kéo dài, và sự phân hóa lớn giữa các cơ sở. Đồng thời, nghiên cứu cũng nhận diện các xu hướng tích cực, như sự gia tăng số lượng sáng chế được bảo hộ và cải thiện thời gian xử lý trong giai đoạn gần đây. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các giải pháp cụ thể và khả thi nhằm thúc đẩy hiệu quả bảo hộ sáng chế, hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu, và đóng góp vào sự phát triển bền vững của hệ thống giáo dục đại học Việt Nam.

2. Nội dung, phương pháp nghiên cứu

2.1. Nội dung nghiên cứu

- Phân tích hoạt động bảo hộ tài sản trí tuệ (sáng chế) của các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam: số lượng bằng sáng chế, thời gian xử lý đơn, đặc điểm quá trình bảo hộ
- So sánh hoạt động xác lập bảo hộ tài sản trí tuệ của các cơ sở giáo dục Việt Nam và thế giới: số lượng văn bằng bảo hộ được cấp, thời gian xử lý đơn

- Thảo luận vai trò của hoạt động bảo hộ tài sản trí tuệ đối với cơ sở giáo dục đại học

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Thu thập dữ liệu đăng ký sở hữu trí tuệ của các cơ sở giáo dục đại học trên Cổng thông tin điện tử Cục Sở hữu Trí tuệ

- Phân loại và chuẩn hóa dữ liệu: lọc các đơn đăng ký có chủ sở hữu là cơ sở giáo dục đại học

- Chuẩn hóa thông tin: Do các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam thường xuyên diễn ra quá trình đổi tên, sáp nhập, tách rời, nghiên cứu tiến hành chuẩn hóa dữ liệu theo quy tắc như sau:

• Cơ sở giáo dục có tài sản trí tuệ trước khi tách thì tính cho đơn vị gốc

• Cơ sở giáo dục có tài sản trí tuệ trước khi sáp nhập thì tính cho đơn vị sáp nhập

• Chuẩn hóa tên cơ sở giáo dục theo tên mới nhất của đơn vị theo Điều 4 Luật Giáo dục đại học 2012, được sửa đổi, bổ sung năm 2018

- Xử lý số liệu và vẽ đồ thị bằng phần mềm Statgraphics và Excel

3. Kết quả nghiên cứu

Trong khoảng thời gian từ 1980 tới 2024, các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam đã gửi đi 1894 đơn đăng ký bảo hộ sáng chế, trong đó có 594 sáng chế đã được cấp bằng bảo hộ, như vậy tỉ lệ một đơn sáng chế được bảo hộ xấp xỉ 30%.

Bảng 1. Thống kê số lượng bằng sáng chế được cấp cho các chủ đơn cơ sở giáo dục đại học

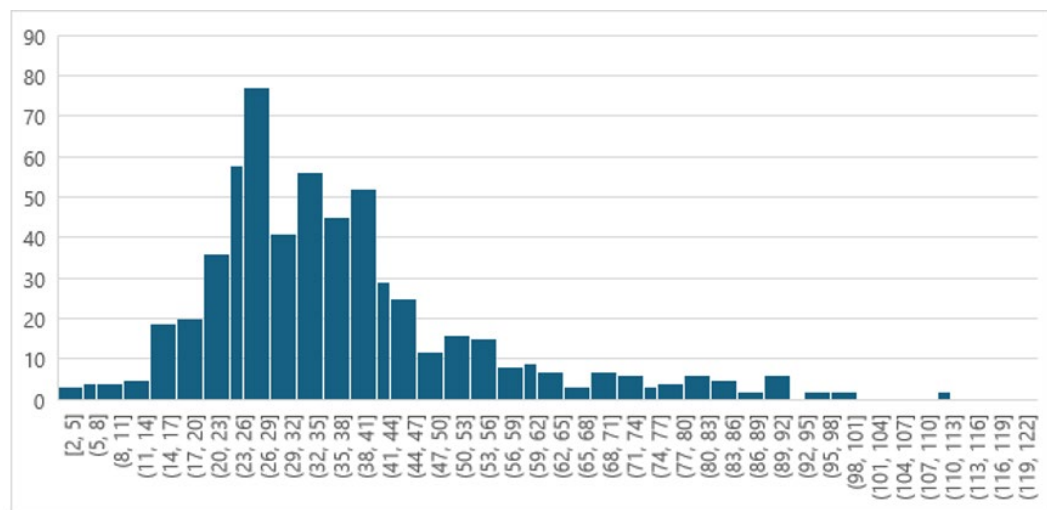
STT	Tên	Số lượng	Tần suất (%)
1	Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh	542	26,37
2	Đại học Bách Khoa Hà Nội	388	18,88
3	Đại học Quốc gia Hà Nội	294	14,31
4	Trường Đại học Phenikaa	118	5,74
5	Trường Đại học Cần Thơ	62	3,02
6	Học viện Quân y	60	2,92
7	Trường đại học FPT	53	2,58
8	Học viện Kỹ thuật quân sự	36	1,75
9	Trường Đại học Giao thông vận tải	34	1,65
10	Đại học Đà Nẵng	30	1,46
11	Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh	29	1,41
12	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	27	1,31
13	Đại học Huế	26	1,27
14	Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	26	1,27
15	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	25	1,22
16	Đại học Duy Tân	24	1,17
17	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	20	0,97
18	Đại học Thái Nguyên	19	0,92
19	Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh	18	0,88
20	Trường Đại học Dược Hà Nội	18	0,88
21	Trường đại học Mô - Địa Chất	15	0,73
22	Trường Đại học Vinh	14	0,68
23	Trường Đại học Thủ Dầu Một	13	0,63

STT	Tên	Số lượng	Tần suất (%)
24	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	12	0,58
25	Trường Đại học Văn Lang	12	0,58
26	Đại học Công nghiệp Hà Nội	11	0,54
27	Các cơ sở giáo dục khác (42 CSDG có dưới 10 bảo hộ)	129	6,28

(Nguồn: Kết quả nghiên cứu của tác giả)

Dựa trên số liệu về số đơn bảo hộ được cấp cho các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam, chúng ta có thể thấy sự chênh lệch rõ rệt về năng lực nghiên cứu và phát triển giữa các cơ sở. Cụ thể, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh dẫn đầu với 542 đơn bảo hộ, chiếm 26.37% tổng số đơn, theo sau là Đại học Bách Khoa Hà Nội với 388 đơn (18,88%) và Đại học Quốc gia Hà Nội với 294 đơn (14,31%). Trường Đại học Phenikaa và Trường Đại học Cần Thơ lần lượt chiếm 5,74% và 3,02%, trong khi Học viện Quân y chiếm 2,92%. Tổng cộng, năm cơ sở giáo dục hàng đầu này chiếm gần 70% tổng số đơn bảo hộ, cụ thể là 68,32%. Điều

này cho thấy sự tập trung cao về năng lực nghiên cứu và sáng tạo tại một số ít cơ sở giáo dục, trong khi các cơ sở còn lại chỉ đóng góp một tỷ lệ khiêm tốn. Với tổng cộng 68 cơ sở giáo dục có đơn bảo hộ, sự chênh lệch này phản ánh không chỉ sự khác biệt về khả năng tài chính và cơ sở vật chất, mà còn về chiến lược và định hướng phát triển nghiên cứu của các trường. Việc các trường top đầu chiếm ưu thế tuyệt đối trong việc bảo hộ sáng tạo trí tuệ cũng đặt ra câu hỏi về sự phân bổ nguồn lực và chính sách hỗ trợ phát triển nghiên cứu của hệ thống giáo dục đại học Việt Nam.



Hình 1. Phân bố tần suất thời gian từ lúc nộp đơn đến khi sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ (đvt: tháng) (Nguồn: Kết quả nghiên cứu của tác giả)

Thời gian trung bình từ khi nộp đơn đến khi được cấp bằng là 1145 ± 561 ngày (3,1 năm), trong khi thời gian trung vị cho quá trình này là 1013 ngày (2,8 năm). Sự khác biệt giữa thời gian trung bình và thời gian

trung vị cho thấy rằng có những trường hợp bảo hộ kéo dài hơn nhiều so với mức trung bình, làm cho phân bố thời gian có đuôi dài về phía bên phải. Trong các trường hợp cụ thể, quá trình bảo hộ nhanh nhất chỉ mất 66

ngày (2 tháng), trong khi trường hợp dài nhất kéo dài đến 3610 ngày (9,9 năm). Sự biến thiên lớn trong thời gian cấp bằng phản ánh sự đa dạng và phức tạp của các sáng chế được nộp đơn, cũng như các yếu tố ảnh hưởng khác như khối lượng công việc của cơ quan cấp bằng, tính mới và tính phức tạp của sáng chế, và khả năng đáp ứng các yêu cầu pháp lý của đơn vị nộp đơn. Thời gian dài nhất lên đến gần 10 năm cho thấy rằng

một số sáng chế phải trải qua quá trình đánh giá rất kéo dài và phức tạp trước khi được cấp bằng. Điều này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc cải thiện quy trình xử lý và tăng cường hiệu quả của hệ thống bảo hộ sở hữu trí tuệ để hỗ trợ tốt hơn cho các nhà nghiên cứu và các cơ sở giáo dục đại học.

Thời gian bảo hộ trong từng giai đoạn theo bảng sau:

Bảng 2. Đặc điểm hoạt động xử lý đơn xin cấp bảo hộ qua từng giai đoạn

<i>Thời gian</i> <i>Đặc điểm</i>	1984- 2000	2001- 2005	2006- 2010	2011- 2015	2016- 2020	2021- 2024
Số văn bằng được cấp	22	6	17	37	205	307
Thời gian trung bình	608±370	840±319	1126±373	1271±530	1325±693	1055±427
Thời gian Ngắn nhất	66	497	257	489	252	120
Thời gian Dài nhất	1536	1169	2034	2385	3527	3610

(Nguồn: Kết quả nghiên cứu của tác giả)

Phân tích số liệu về thời gian cấp bảo hộ sở hữu trí tuệ cho các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam từ năm 1984 đến 2024 cho thấy một xu hướng phát triển và cải thiện đáng kể, đồng thời cũng chỉ ra những thách thức cần giải quyết. Trong giai đoạn từ 1984-2000, số lượng bảo hộ còn khiêm tốn với 22 trường hợp, thời gian trung bình cấp bảo hộ là 608 ± 370 ngày, tương đương khoảng 1,7 năm, với thời gian ngắn nhất là 66 ngày và dài nhất là 1536 ngày. Giai đoạn 2001-2005 chứng kiến sự giảm sút về số lượng bảo hộ chỉ còn 6 trường hợp, nhưng thời gian trung bình lại tăng lên 840 ± 319 ngày (2,3 năm), với thời gian ngắn nhất và dài nhất lần lượt là 497 và 1169 ngày.

Trong giai đoạn 2006-2010, số lượng bảo hộ tăng lên 17 trường hợp và thời gian trung bình tiếp tục tăng lên 1126 ± 373 ngày (3,1 năm). Thời gian ngắn nhất trong giai đoạn này giảm xuống còn 257 ngày, nhưng

thời gian dài nhất lại tăng lên 2034 ngày. Từ năm 2011-2015, số lượng bảo hộ tiếp tục tăng lên 37 trường hợp, với thời gian trung bình là 1271 ± 530 ngày (3,5 năm), thời gian ngắn nhất và dài nhất lần lượt là 489 và 2385 ngày. Giai đoạn 2016-2020 đánh dấu sự gia tăng đáng kể về số lượng bảo hộ với 205 trường hợp, thời gian trung bình là 1325 ± 693 ngày (3,6 năm). Thời gian ngắn nhất trong giai đoạn này là 252 ngày, và dài nhất là 3527 ngày.

Đáng chú ý, giai đoạn 2021-2024 chứng kiến sự bùng nổ về số lượng bảo hộ với 307 trường hợp. Thời gian trung bình để cấp bảo hộ trong giai đoạn này giảm xuống còn 1055 ± 427 ngày (2,9 năm), cho thấy sự cải thiện trong quy trình xử lý. Thời gian ngắn nhất giảm mạnh xuống còn 120 ngày, trong khi thời gian dài nhất vẫn duy trì ở mức cao với 3610 ngày.

Nhìn chung, số lượng bảo hộ tăng dần qua các giai đoạn, đặc biệt là từ năm 2016 trở đi, phản ánh sự phát triển mạnh mẽ của hoạt động nghiên cứu và sáng tạo tại các cơ sở giáo dục đại học. Tuy nhiên, mặc dù thời gian trung bình cấp bảo hộ đã có xu hướng giảm trong những năm gần đây, thời gian dài nhất vẫn còn khá dài, cho thấy vẫn còn những thách thức trong việc tối ưu hóa quy trình và rút ngắn thời gian xử lý cho các trường hợp phức tạp. Điều này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tiếp tục cải thiện hệ thống bảo hộ sở hữu trí tuệ để hỗ trợ tốt hơn cho các nhà nghiên cứu và các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam.

4. Thảo luận

4.1. Hoạt động bảo hộ tài sản trí tuệ của các trường đại học tại Việt Nam

Hoạt động bảo hộ sáng chế tại các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam cho thấy một số xu hướng tích cực, với năm trường dẫn đầu gồm ĐHQG TP.HCM, Đại học Bách Khoa Hà Nội, ĐHQG Hà Nội... chiếm gần 70% tổng số bằng sáng chế. Thời gian xử lý đơn có cải thiện đáng kể trong giai đoạn 2021–2024, giảm còn 1.055 ± 427 ngày. Tuy vậy, nhiều thách thức vẫn tồn tại: tỷ lệ được cấp bằng chỉ khoảng 30%, thấp hơn so với các quốc gia phát triển; thời gian xử lý một số trường hợp vẫn kéo dài, có đơn mất tới 9,9 năm; và sự phân hóa rõ rệt giữa các cơ sở, khi phần lớn các trường ngoài top 5 chỉ đạt dưới 1% tổng số bằng sáng chế.

Thời gian xử lý đơn và cấp bằng bảo hộ sáng chế giữa các quốc gia trên thế giới và Việt Nam có sự khác biệt đáng kể, phản ánh hiệu quả hoạt động của các cơ quan sở hữu trí tuệ cũng như các quy trình pháp lý của từng nước. Trên thế giới, thời gian xử lý trung bình để cấp bằng bảo hộ sáng chế tại các quốc gia như Hoa Kỳ, Liên minh Châu Âu, Nhật Bản, Trung Quốc, và Hàn Quốc

thường nằm trong khoảng từ 15 đến 36 tháng[5, 6].

Cụ thể, tại Hoa Kỳ, thời gian trung bình từ lúc nộp đơn đến khi cấp bằng bảo hộ sáng chế là khoảng 24-30 tháng. Hệ thống của Hoa Kỳ cung cấp các tùy chọn như Track One, giúp đẩy nhanh quá trình xử lý xuống còn khoảng 12 tháng. Tại Liên minh Châu Âu, thời gian này thường kéo dài khoảng 36 tháng, với các chương trình như PACE để đẩy nhanh quá trình thẩm định. Nhật Bản có thời gian xử lý trung bình khoảng 15-16 tháng, và Trung Quốc là khoảng 22 tháng, trong khi Hàn Quốc là khoảng 15,8 tháng. Các quốc gia này đều có các hệ thống và quy trình để thúc đẩy tốc độ xử lý đơn bảo hộ, đặc biệt là đối với các công nghệ mới và phức tạp[5, 6].

Ngược lại, tại Việt Nam, thời gian xử lý đơn và cấp bằng bảo hộ sáng chế trung bình trong giai đoạn 2021-2024 là 1055 ± 427 ngày, tức khoảng 2,9 năm. Đây là sự cải thiện đáng kể so với các giai đoạn trước, khi thời gian xử lý trung bình thường kéo dài hơn. Đáng chú ý, thời gian xử lý ngắn nhất trong giai đoạn này là 120 ngày, trong khi thời gian xử lý dài nhất lên tới 3610 ngày (9,9 năm). Điều này cho thấy rằng, dù đã có sự cải thiện, nhưng quá trình thẩm định và cấp bằng bảo hộ tại Việt Nam vẫn còn khá dài so với các nước phát triển.

Theo nghiên cứu của Dietmar Harhoff, các yếu tố quyết định đến thời gian cấp bảo hộ bao gồm: năng lực của cơ quan bảo hộ, độ phức tạp của sáng chế, tỉ lệ đơn đăng ký và nỗ lực của đơn vị nộp đơn. Cũng theo nghiên cứu này, tỉ lệ từ chối đơn của Văn phòng sáng chế Châu Âu là 2/3 tức chỉ có 1/3 đơn được bảo hộ, tỉ lệ này là tương đồng với Việt Nam[7].

Sự chênh lệch giữa thời gian xử lý ở Việt Nam và các nước phát triển có thể được giải

thích bởi nhiều yếu tố. Thứ nhất, số lượng đơn nộp tại mỗi quốc gia là khác nhau. Các nước phát triển thường có số lượng đơn nộp lớn hơn nhưng họ cũng có quy trình thẩm định hiệu quả hơn và các chương trình thúc đẩy quá trình xử lý đơn nhanh hơn[7]. Ví dụ, tại Hoa Kỳ và Nhật Bản, các đơn nộp có thể được đẩy nhanh qua các chương trình như Track One và Accelerated Examination[5, 7]. Trong khi đó, tại Việt Nam, quy trình thẩm định vẫn có thể kéo dài do khối lượng công việc, các thủ tục hành chính, và có thể là do thiếu nguồn lực hoặc kinh nghiệm trong việc thẩm định các đơn sáng chế phức tạp.

Sự cải thiện về thời gian xử lý tại Việt Nam trong những năm gần đây cho thấy sự nỗ lực của cơ quan sở hữu trí tuệ Việt Nam trong việc nâng cao hiệu quả và rút ngắn thời gian xử lý. Tuy nhiên, để cạnh tranh với các quốc gia phát triển và thúc đẩy hơn nữa các hoạt động nghiên cứu và phát triển, Việt Nam cần tiếp tục cải thiện quy trình thẩm định, tăng cường đào tạo nguồn nhân lực, và áp dụng các công nghệ mới để hỗ trợ quá trình thẩm định và cấp bằng bảo hộ.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển nhanh chóng của khoa học và công nghệ, việc rút ngắn thời gian xử lý đơn bảo hộ sáng chế là một yếu tố quan trọng để khuyến khích sáng tạo và đổi mới. Điều này không chỉ giúp bảo vệ quyền lợi của các nhà sáng chế mà còn thúc đẩy sự phát triển kinh tế dựa trên nền tảng công nghệ và sáng tạo, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

4.2. Vai trò của tài sản trí tuệ trong hoạt động của cơ sở giáo dục

Theo bảng xếp hạng về tài sản trí tuệ năm 2022, hệ thống Đại học California (UC) đã được cấp 597 bằng sáng chế, đứng đầu bảng xếp hạng toàn cầu năm thứ mười liên tiếp.

Viện Công nghệ Massachusetts (MIT) theo sau với 343 bằng sáng chế, chứng tỏ sự đóng góp liên tục của họ vào các tiến bộ công nghệ. Đại học Dầu khí và Khoáng sản King Fahd, nổi bật với nghiên cứu chuyên ngành, đứng thứ ba với 283 bằng sáng chế. Hệ thống Đại học Texas xếp thứ tư, nhận được 225 bằng sáng chế, trong khi Đại học Purdue đứng thứ năm với 192 bằng sáng chế[8].

Những con số này làm nổi bật hoạt động cấp bằng sáng chế đáng kể tại các tổ chức này, phản ánh môi trường nghiên cứu mạnh mẽ và đầu tư lớn vào đổi mới. Sự thống trị của Đại học California, đặc biệt, nhấn mạnh khả năng nghiên cứu rộng lớn của họ trên các cơ sở khác nhau. Trong khi đó, vị trí cao liên tục của MIT chỉ ra sự tập trung mạnh mẽ vào công nghệ tiên tiến và nghiên cứu kỹ thuật. Sự hiện diện của Đại học King Fahd trong các thứ hạng hàng đầu cho thấy sự cạnh tranh toàn cầu ngày càng tăng trong nghiên cứu và đổi mới, đặc biệt từ các trường đại học ngoài các thành trì truyền thống của phương Tây.

So sánh với các trường đại học Việt Nam, cũng đang có những bước tiến trong hoạt động cấp bằng sáng chế. Tuy nhiên, quy mô vẫn khác nhau, phản ánh các giai đoạn phát triển và phân bổ tài nguyên trong nghiên cứu. Ví dụ, cơ sở giáo dục đại học hàng đầu Việt Nam, Đại học Quốc gia TP.HCM, được cấp 542 bằng sáng chế, con số này khá lớn trong bối cảnh quốc gia nhưng vẫn kém so với các tổ chức hàng đầu thế giới.

Sự khác biệt về số lượng bằng sáng chế có thể được giải thích bởi các yếu tố như mức độ tài trợ, cơ sở hạ tầng nghiên cứu, hợp tác với ngành công nghiệp và các ưu tiên chiến lược. Các trường đại học hàng đầu thế giới thường có nguồn quỹ đáng kể,

quan hệ đối tác rộng rãi với ngành công nghiệp và các chính sách mạnh mẽ khuyến khích cấp bằng sáng chế và thương mại hóa các kết quả nghiên cứu[2, 4]. Khi các trường đại học Việt Nam tiếp tục phát triển các lĩnh vực này, họ có thể tăng cường hoạt động cấp bằng sáng chế và đóng góp nhiều hơn vào đổi mới toàn cầu

Bảo hộ sáng chế là một yếu tố thiết yếu trong môi trường nghiên cứu và phát triển tại các trường đại học, ảnh hưởng sâu rộng đến nhiều khía cạnh của hoạt động học thuật và nghiên cứu. Việc này không chỉ bảo vệ quyền lợi của các nhà nghiên cứu mà còn hỗ trợ sự phát triển bền vững của các cơ sở giáo dục đại học[1-4]. Đầu tiên bảo hộ sáng chế cung cấp một cơ chế pháp lý để các nhà nghiên cứu tại các trường đại học bảo vệ các phát minh và công nghệ mà họ phát triển[2]. Khi một phát minh được cấp bằng sáng chế, nhà nghiên cứu có quyền độc quyền đối với việc sử dụng, sản xuất, và phân phối sáng chế đó trong một khoảng thời gian nhất định[3]. Điều này không chỉ bảo vệ các ý tưởng sáng tạo khỏi sự sao chép hoặc sử dụng trái phép mà còn tạo động lực cho các nhà nghiên cứu tiếp tục theo đuổi các dự án nghiên cứu đổi mới. Sự đảm bảo rằng công sức và sáng tạo của họ sẽ được công nhận và bảo vệ làm tăng cường động lực và cam kết của họ đối với nghiên cứu và phát triển.

Bên cạnh đó, bảo hộ sáng chế đảm bảo rằng các quyền sở hữu trí tuệ của các nhà nghiên cứu và trường đại học được công nhận và bảo vệ. Trong nhiều trường hợp, nghiên cứu và phát minh được thực hiện bằng nguồn lực và tài chính từ trường đại học[2, 4]. Do đó, việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ là cách để đảm bảo rằng trường đại học và các nhà nghiên cứu không bị mất quyền kiểm soát và lợi ích từ những công

trình mà họ đã đầu tư công sức và tài nguyên.

Thông thường, các trường đại học thường không có đủ nguồn lực tài chính và cơ sở hạ tầng để tự mình thương mại hóa các phát minh và công nghệ. Việc sở hữu các bằng sáng chế cho phép các trường đại học có cơ hội hợp tác với các doanh nghiệp và tổ chức bên ngoài, tạo ra các mối quan hệ đối tác chiến lược[3]. Các doanh nghiệp có thể thấy giá trị trong việc đầu tư vào các công nghệ được cấp bằng sáng chế và sẵn sàng tài trợ cho nghiên cứu hoặc mua bản quyền sử dụng công nghệ đó. Điều này không chỉ giúp trường đại học có thêm nguồn tài chính mà còn mở rộng khả năng ứng dụng thực tiễn của các nghiên cứu.

Do đó, việc bảo hộ sáng chế giúp các trường đại học tạo ra nguồn thu nhập từ việc cấp phép hoặc chuyển nhượng các công nghệ được cấp bằng sáng chế. Khi một trường đại học sở hữu các bằng sáng chế, họ có thể ký hợp đồng cấp phép cho các doanh nghiệp hoặc tổ chức khác để sử dụng công nghệ của mình, đổi lại là khoản phí bản quyền hoặc thù lao[3]. Nguồn thu này có thể được sử dụng để tài trợ cho các dự án nghiên cứu mới, cải thiện cơ sở vật chất, hoặc hỗ trợ các chương trình giáo dục và đào tạo. Đây là một cách hiệu quả để tối ưu hóa giá trị kinh tế từ các phát minh và sáng chế.

Một yếu tố quan trọng khác là các trường đại học có nhiều sáng chế được cấp bằng sáng chế thường được nhìn nhận là những trung tâm nghiên cứu hàng đầu trong các lĩnh vực cụ thể. Việc sở hữu và bảo vệ các sáng chế cho thấy khả năng đổi mới và chất lượng nghiên cứu của trường đại học, từ đó nâng cao uy tín và danh tiếng của trường trong cộng đồng học thuật và công nghiệp[8]. Điều này không chỉ giúp thu hút

sinh viên và giảng viên chất lượng cao mà còn khuyến khích sự quan tâm từ các nhà đầu tư và đối tác.

Cuối cùng, việc bảo hộ sáng chế góp phần vào sự phát triển bền vững của các trường đại học bằng cách thúc đẩy một môi trường nghiên cứu sáng tạo và đổi mới. Các trường đại học có thể xây dựng các chiến lược nghiên cứu dựa trên việc khai thác các sáng chế, từ đó thúc đẩy sự phát triển của các ngành công nghiệp và công nghệ mới[2, 4]. Điều này không chỉ tạo ra lợi ích cho cộng đồng học thuật mà còn cho xã hội và nền kinh tế quốc gia nói chung.

Do đó, bảo hộ sáng chế đóng vai trò then chốt trong việc phát triển và duy trì hoạt động nghiên cứu tại các trường đại học. Nó không chỉ bảo vệ các ý tưởng sáng tạo mà còn mở ra cơ hội tài chính và hợp tác, đồng thời nâng cao uy tín và đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ, từ đó thúc đẩy sự phát triển bền vững của cả cơ sở giáo dục và cộng đồng nghiên cứu.

5. Kết luận và Kiến nghị

Bảo hộ sáng chế đóng vai trò thiết yếu trong việc thúc đẩy nghiên cứu và phát triển tại các trường đại học. Nó không chỉ bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của các nhà nghiên cứu mà còn tạo động lực cho sự đổi mới và sáng tạo. Hệ thống bảo vệ pháp lý này khuyến khích các nhà nghiên cứu tiếp tục theo đuổi các dự án sáng tạo, đồng thời tạo điều kiện cho việc hợp tác và đầu tư từ các doanh nghiệp và tổ chức bên ngoài. Ngoài ra, việc bảo hộ sáng chế cũng giúp các trường đại học tạo ra nguồn doanh thu bổ sung thông qua cấp phép và chuyển nhượng quyền sử dụng công nghệ. Sở hữu các sáng chế không chỉ nâng cao uy tín và danh tiếng của các cơ sở giáo dục mà còn bảo vệ quyền lợi và công nhận công sức đầu tư vào nghiên cứu. Trong khoảng thời gian từ 1980 đến 2024,

các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam đã nộp tổng cộng 1894 đơn đăng ký bảo hộ sáng chế, trong đó 594 sáng chế được cấp bằng bảo hộ, tương ứng với tỷ lệ thành công khoảng 30%. Số liệu này cho thấy sự phân hóa rõ rệt về năng lực nghiên cứu và phát triển giữa các cơ sở giáo dục, với Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh đứng đầu với 542 đơn bảo hộ, chiếm 26.37% tổng số đơn, tiếp theo là Đại học Bách Khoa Hà Nội với 388 đơn (18.88%) và Đại học Quốc gia Hà Nội với 294 đơn (14.31%). Các trường như Đại học Phenikaa và Đại học Cần Thơ chiếm lần lượt 5.74% và 3.02%, trong khi Học viện Quân y chiếm 2.92%. Tổng cộng, năm cơ sở giáo dục hàng đầu này chiếm gần 70% tổng số đơn bảo hộ, cho thấy sự tập trung lớn vào hoạt động bảo hộ sáng chế tại một số cơ sở giáo dục hàng đầu. Thời gian trung bình từ khi nộp đơn đến khi cấp bằng bảo hộ là 1145 ± 561 ngày (khoảng 3,1 năm), với thời gian trung vị là 1013 ngày (khoảng 2,8 năm), phản ánh sự phân tán đáng kể trong thời gian xử lý. Giai đoạn 2021-2024 chứng kiến sự bùng nổ về số lượng bảo hộ, với 307 trường hợp và thời gian trung bình giảm xuống còn 1055 ± 427 ngày (khoảng 2,9 năm), cho thấy sự cải thiện trong quy trình xử lý, mặc dù thời gian xử lý vẫn còn kéo dài với thời gian dài nhất lên đến 3610 ngày. Trong bối cảnh thời gian xử lý đơn bảo hộ vẫn còn kéo dài và sự phân hóa rõ rệt về năng lực nghiên cứu giữa các cơ sở giáo dục, để nâng cao hiệu quả hoạt động bảo hộ sáng chế tại các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam trong thời gian tới, cần triển khai đồng bộ các giải pháp từ cấp nhà nước đến từng cơ sở giáo dục. Về phía Nhà nước, cần cải cách quy trình thẩm định sáng chế theo mô hình các chương trình rút ngắn thời gian xử lý như “Track One” của Mỹ hoặc “PACE” của EU; ban hành hướng dẫn chuyên biệt cho cơ sở giáo dục đại học về

đăng ký và khai thác sáng chế; tăng cường hỗ trợ tài chính thông qua quỹ riêng cho lệ phí, tư vấn, luật sư sở hữu trí tuệ; và xây dựng hệ thống xếp hạng hoặc đánh giá hiệu quả sở hữu trí tuệ trong giáo dục. Ở cấp cơ sở giáo dục đại học, cần thành lập đơn vị chuyên trách về sở hữu trí tuệ để hỗ trợ hồ sơ và thương mại hóa; tích hợp nội dung sở hữu trí tuệ vào chương trình đào tạo; khuyến khích giảng viên, nghiên cứu viên đăng ký sáng chế thông qua chế độ thưởng và ưu tiên xét thi đua; phát triển cơ chế chia sẻ lợi nhuận giữa giảng viên, nhà trường và doanh nghiệp; và tăng cường hợp tác thông qua các hoạt động như “Innovation day” hoặc “kết nối công nghệ”.

Những giải pháp trên nếu được thực hiện một cách đồng bộ và hiệu quả sẽ góp phần nâng cao năng lực sáng tạo, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu và gia tăng giá trị sở hữu trí tuệ trong hệ thống giáo dục đại học. Qua đó, các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam sẽ từng bước khẳng định vai trò chủ lực trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia.

Tài liệu tham khảo

- [1] A. Valavanidis and T. Vlachogianni, "Research and Development. The Role of Universities for the Knowledge-based Society and Technological Innovations," 2016.
- [2] N. Baldini, "University patenting and licensing activity: a review of the literature," *Research evaluation*, vol. 15, no. 3, pp. 197-207, 2006.
- [3] T. Coupe, "Science is golden: academic R&D and university patents," *The Journal of Technology Transfer*, vol. 28, no. 1, pp. 31-46, 2003.
- [4] P. Lee, "Patents and the University," *Duke LJ*, vol. 63, p. 1, 2013.
- [5] I. Corn, "How Long Does It Take To Get A Patent, And How Can You Speed Up The Process?," *Mondaq Copyright Statement*, 2023.
- [6] H. Christopher, L. Annette, C. Dominic, and M. Roxana, "How Long Does It Take to Get a Patent?," *Heer Law*, 2024.
- [7] D. Harhoff and S. Wagner, "Modeling the duration of patent examination at the European Patent Office," 2006.
- [8] NAI, "Top 100 Worldwide Universities Granted U.S. Utility Patents in 2022 Announced," National Academy of Inventors, 2022.

Ngày nhận bài: 27/12/2024

Ngày hoàn thành sửa bài: 25/3/2025

Ngày chấp nhận đăng: 26/3/2025